

Bản án số: 430/2024/DS-PT  
Ngày: 21-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Trang;

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Thanh Tòng;

Ông Phạm Văn Ngọt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2527/2024/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

Bà Trần Thị Ú (tên gọi khác: M), sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số H ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn:***

2.1 Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2.2 Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024):*

Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Huyền T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm;*

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ú trình bày:*

Do có quen biết và sinh sống cùng địa phương nên bà Trần Thị Ú có tham gia 08 dây hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi khai ngày 05/01/2022, hụi 5.000.000đồng/tháng, hụi có lời. Hụi gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần hụi. Bà đóng hụi sống được 25 tháng với số tiền hụi sống là 125.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.250.000 đồng, còn lại 122.500.000 đồng.

Đối với 07 dây hụi còn lại thì bà không nhớ là đã đóng số tiền hụi là bao nhiêu. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà T cho rằng chỉ có 07 dây hụi và ngoài dây hụi mãn nói trên thì 06 dây hụi còn lại bà đã đóng số tiền là 75.360.000 đồng. Bà cũng đồng ý với số tiền này. Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà là 197.860.000 đồng.

Ngoài ra bà có cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận đề ngày 15/11/2021, đến nay bà T chưa trả cho bà số tiền này.

Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 197.860.000 đồng và số tiền vay là 200.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian chơi hội, số dây hội và phần hội mà nguyên đơn tham gia hội do bà làm chủ hội. Theo sổ ghi chép của bà thì số dây hội bà Ú tham gia với bà chỉ có 07 dây hội.

Tuy nhiên, do trong quá trình chơi hội thì có một số hội viên hốt hội nhưng không đóng hội chết dẫn đến việc bà không giao được hội cho các hội viên còn lại.

Nay bà đề nghị bà Ú bớt số tiền hội lại. Cụ thể là bà đồng ý trả cho bà Ú số tiền hội vốn đã đóng là 148.080.000 đồng.

Đối với số tiền vay là 200.000.000 đồng thì bà đồng ý có nợ và đồng ý trả cho bà Ú số tiền này. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Văn Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Huyền T. Ông đồng ý cùng bà T trả lại cho bà Ú số tiền hội và vay như bà T trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 463, 471, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị Ú số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà Ú không yêu cầu tính lãi.

1.2 Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị Ú số tiền hội là 197.860.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, ông Đ, bà T yêu cầu cấp

phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông Đ, bà T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huyền T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ú khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huyền T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 197.860.000 đồng và số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huyền T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về số dây hụi, giá trị của từng dây hụi và số phần hụi mà nguyên đơn tham gia. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 200.000.000 đồng vào ngày 15/11/2021, hai bên có làm biên nhận đề ngày 15/11/2021, có chữ ký của bà T, thì các bên đều thừa nhận và bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận bà Ú không yêu cầu tính lãi.

[2.3] Đối với số tiền hụi:

Nguyên đơn cho rằng, đối với dây hụi khui vào ngày 05/01/2022, hụi 5.000.000đồng/tháng, hụi có lời, hụi gồm 26 phần, nguyên đơn tham gia 01 phần hụi, nguyên đơn đóng hụi sống được 25 tháng, nguyên đơn là người hốt hụi chót. Bị đơn cũng thống nhất với lời trình bày này của nguyên đơn, đồng ý trả tiền nhưng bị đơn xin nguyên đơn bớt tiền lãi hụi.

Xét thấy, do dây hụi này nguyên đơn hốt hụi chót nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi là 122.500.000 đồng (sau khi trừ đi tiền đầu thảo 2.500.000 đồng) là phù hợp.

Đối với 06 dây hụi còn lại, các bên không nhớ chính xác từng dây hụi, tuy nhiên giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền nguyên đơn đã đóng hụi là 75.360.000 đồng. Bị đơn cũng đồng ý trả lại số tiền hụi là 75.360.000 đồng cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về việc bị đơn bà T yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý cho bà T trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ú, buộc các bị đơn ông Đ, bà T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Ú số tiền hụi còn thiếu là 197.860.000 đồng và số tiền vay gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Ông Đ, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huyền T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 463, 471, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út .

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ú số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà Ú không yêu cầu tính lãi.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ú số tiền hội là 197.860.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới chịu 19.893.000đ (mười chín triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ú số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.180.000đ (mười một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001432 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

## 2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000879 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000878 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi CTHADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Trang**

